CTCP Vinaconex 39

FireAnt

Ngày 31/03/2024	1,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-17.6%	**-30.0%**	**-17.6%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,200 - 4,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	63,720
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.15)
EPS	-995
P/E	-1.4

DT thuần
Q1/24
2.41
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.39| -77.7%
YoY: ▲ 0.30| 14.3%

LN trước thuế
Q1/24
-6.71
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.89| 36.7%
YoY: ▲ 2.21| 24.8%

LN sau thuế
Q1/24
-6.72
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.88| 36.6%
YoY: ▲ 2.21| 24.8%

ROA
2023
-3.7%
+/- YoY: ▲ 0.1%

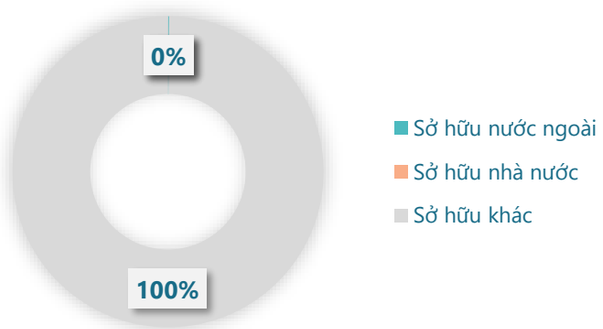
DT thuần
2023
17.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.40| -23.8%

LN trước thuế
2023
-32.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.90| 5.6%

LN sau thuế
2023
-32.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.90| 5.5%

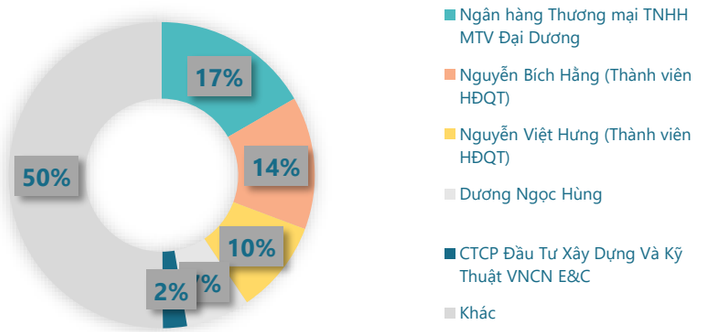
ROE
2023
39.8%
+/- YoY: ▼ 32.2%

Cơ cấu sở hữu



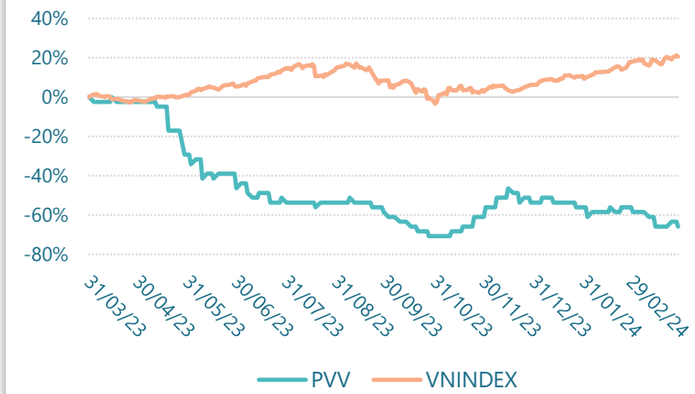
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

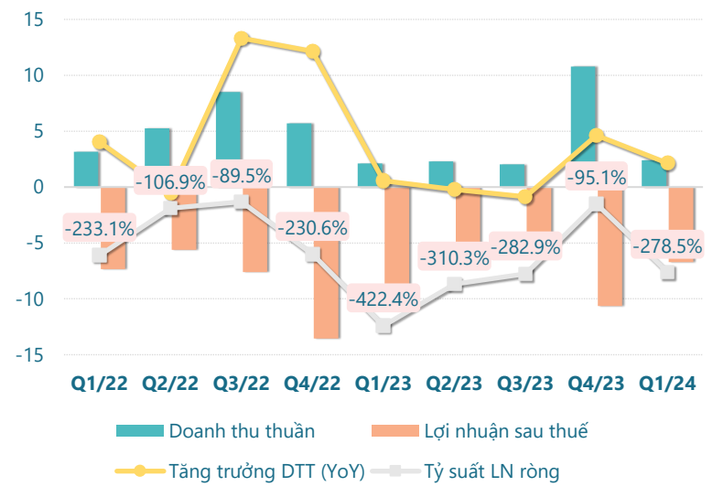


(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

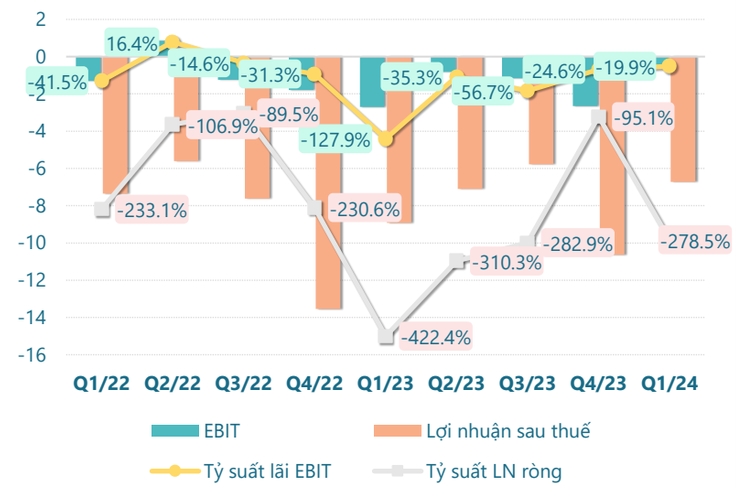


Kết quả kinh doanh



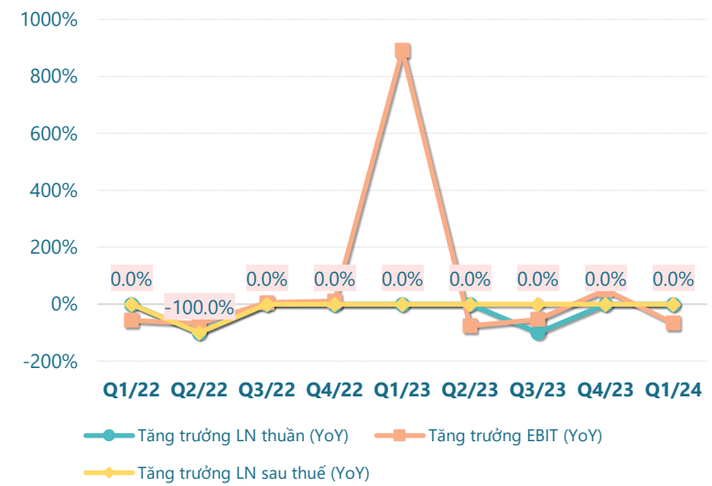
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



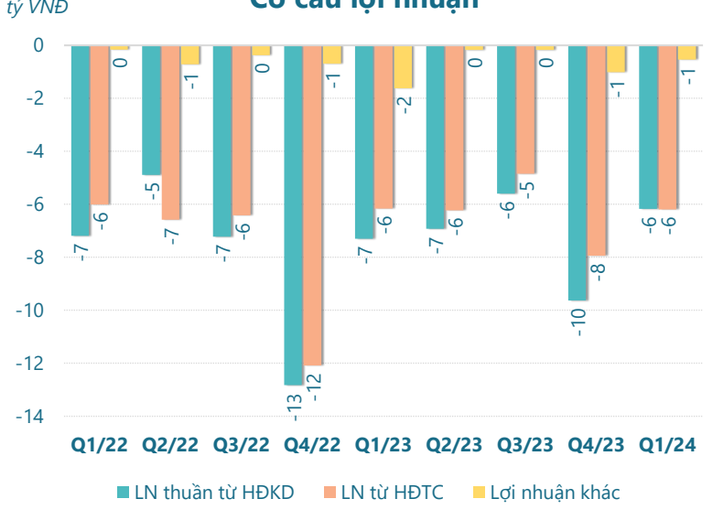
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



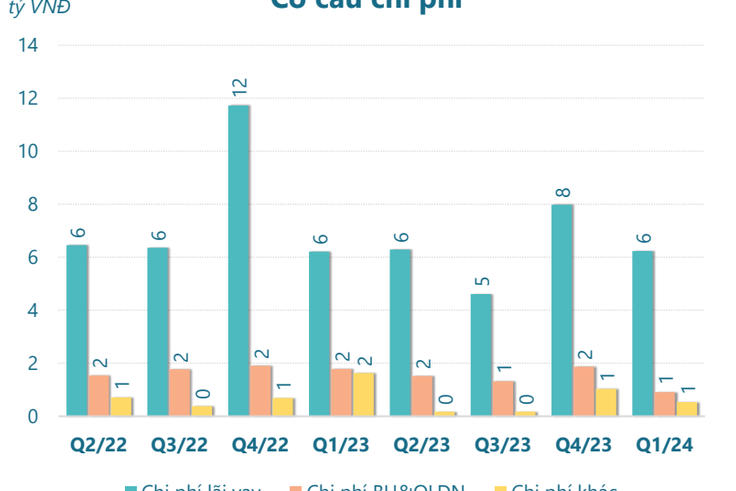
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



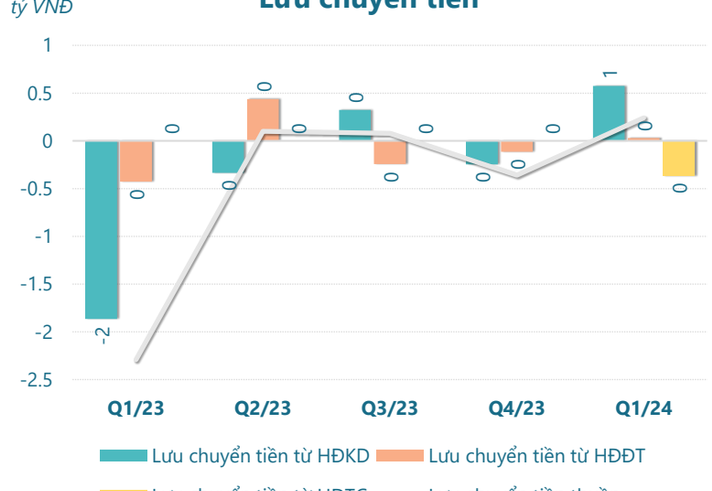
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

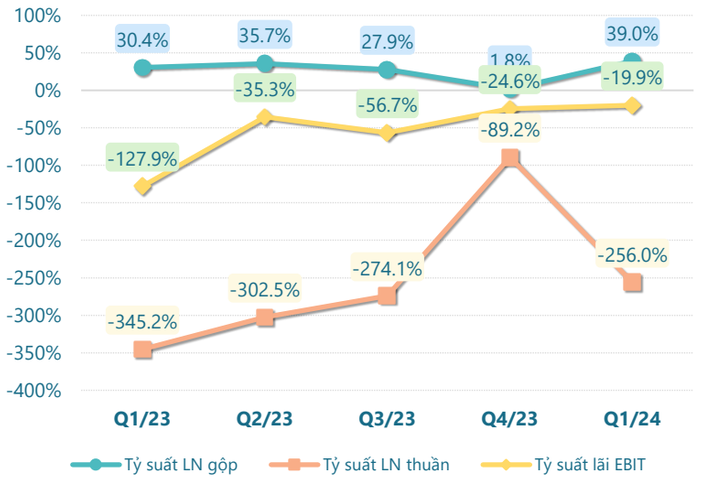


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Vinaconex 39

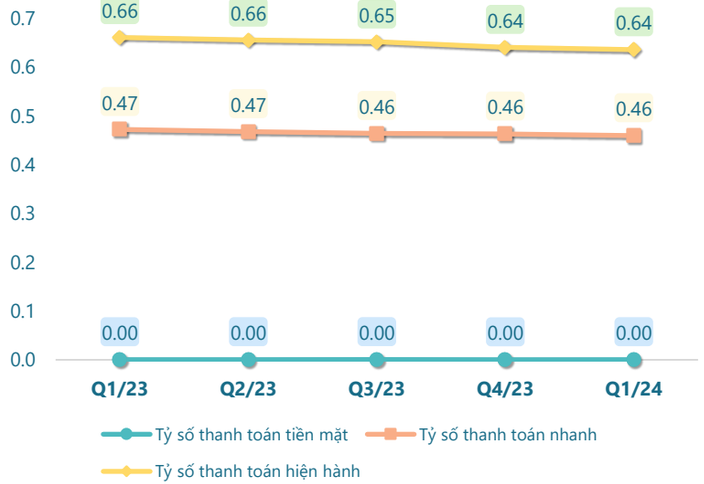
FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận



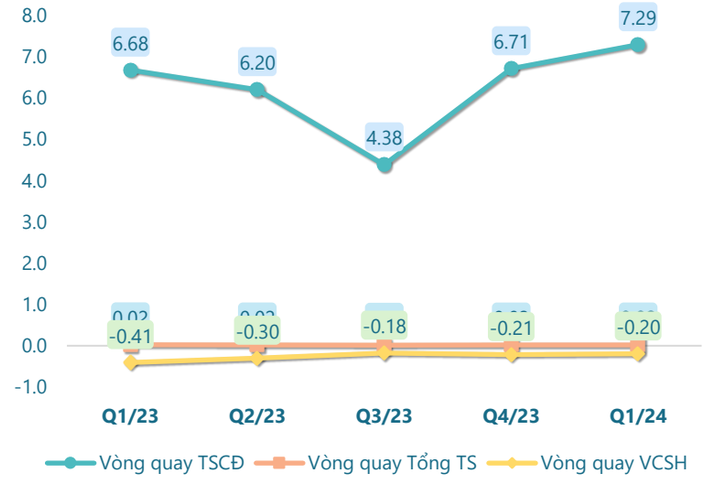
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



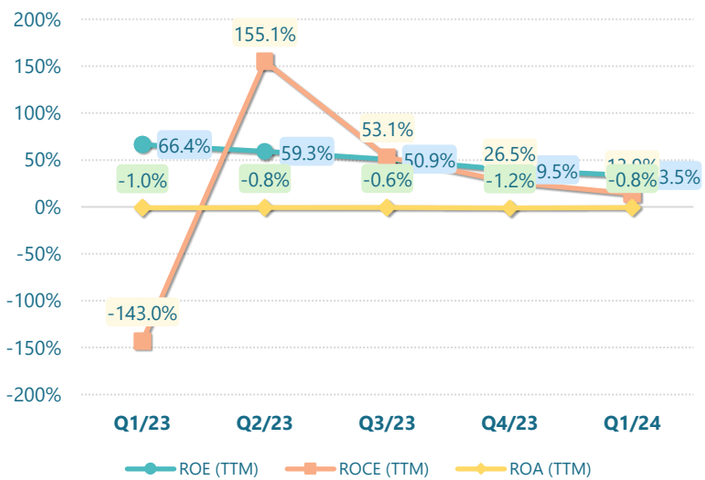
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



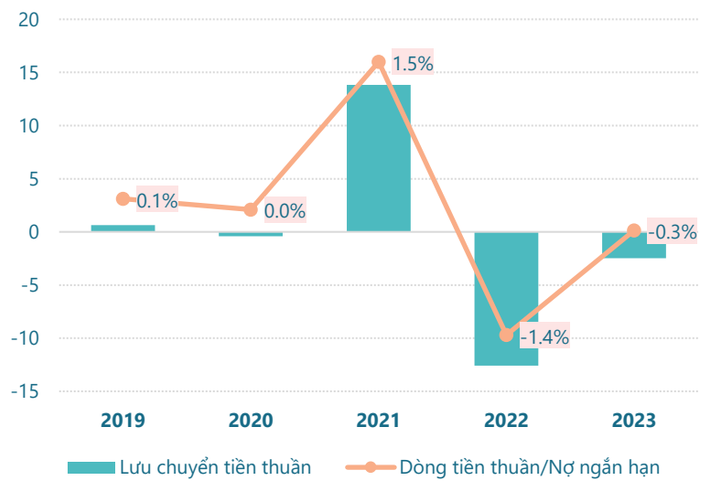
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



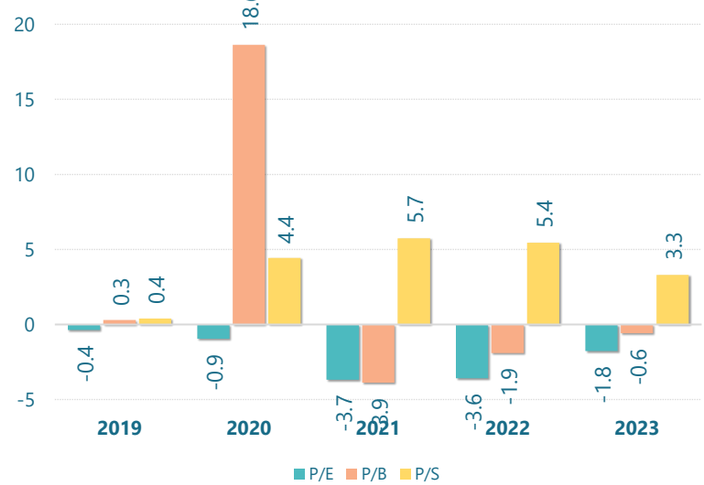
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)